TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 02 - 2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phong Lan – Thẩm phán;

Các Hội Thẩm nhân dân:

1 . Bà Nguyễn Thị Mai

2 . Bà Phạm Thị Bích Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận Lê Chân thành phố Hải Phòng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân Quận Lê Chân, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 565/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2017/QĐST-DS ngày 02/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Cao Văn G, sinh năm 1974; ĐKHKTT: Thôn Hoàng Đ, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 19/67/152 C, phường H, Quận L, Hải Phòng. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Bà Ngô Thị Hải V, sinh năm 1973; ĐKHKTT: Thôn L, Q, xã T, huyện V, Hải Phòng; nơi ở: Số 90 N, Q, phường K, Quận L, Hải Phòng; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về hôn nhân và gia đình đề ngày 22 tháng 8 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Cao Văn G trình bày: Anh kết hôn với chị Ngô Thị Hải V từ năm 2000, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Quá trình vợ chồng chung sống ngay từ thời gian đầu đã không hạnh phúc. Nguyên nhân là do tuổi trẻ bồng bột, suy nghĩ không kỹ càng đã vội vàng kết hôn, nên khi về chung sống bộc lộ nhiều tính cách và quan điểm sống hoàn toàn trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặt khác vợ chồng không có tình yêu , kết hôn với nhau chỉ là sự thương hại (vì lỡ có con với nhau trước hôn nhân) và không được sự ủng hộ của gia đình, nên hai bên chung sống cùng nhau được một thời gian ngắn (khoảng một năm) sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống gia đình hoàn toàn không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hai bên đã sống ly thân nhau hơn 10 năm nay (Từ năm 2002), không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, nên anh G đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chi Ngô Thị Hải V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Cao Tiến Đ, sinh ngày 25/01/2000 (Hiện đang sinh sống cùng anh G và do anh G nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay). Trong trường hợp vợ chồng ly hôn , anh G có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung - Cao Tiến Đ đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh G không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc chia tài sản chung.

Tại phiên tòa chị Ngô Thị Hải V vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, song chị V không đến Tòa án theo giấy triệu tập; thông báo hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án. Mặc dù chị V đã được biết nội dung các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trên.

Tại phiên toà, anh G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Ngô Thị Hải V cũng như những quan điểm về con chung và tài sản chung đã trình bày tại tòa.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đúng các quy định về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56,81,82,83 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 227 BLTTDS tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Cao Văn G được ly hôn với chị Ngô Thị Hải V; về con chung: Giao con chung là Cao Tiến Đ, sinh ngày 25/01/2000 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, tiền cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thực hiện, không yêu cầu tòa án giải quyết; về tài sản chung anh G không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và qua xác minh tại địa phương thể hiện chị Ngô Thị Hải V có ĐKHKTT: Thôn L, Q, T, V, Hải phòng ; tạm trú tại: Số 90 N, Q, phường K, Quận L, thành phố Hải Phòng. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn anh Cao Văn G và bị đơn chị Ngô Thị Hải V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là chị Ngô Thị Hải V vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, cho thấy chị V đã tự từ bỏ quyền cũng như nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Bởi vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Ngô Thị Hải V .

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Văn G và chị Ngô Thị Hải V kết hôn với nhau năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị V là hợp pháp.

Quá trình chung sống cho đến nay anh G xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hoà hợp về tính tình lối sống, không có tình cảm, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và bạn bè khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hai bên đã sống ly thân nhau từ nhiều năm nay (hơn 10 năm), mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Mặt khác qua điều tra xác minh tại địa phương cũng như tại gia đình thấy rằng quan hệ vợ chồng giữa anh G và chị V trên thực tế đã không còn tồn tại, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh G và chị V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy, yêu cầu của anh G được ly hôn với chị V là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh G xin được ly hôn với chị V.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là là Cao Tiến Đ, sinh ngày 25/01/2000. Ly hôn anh G có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy cháu Cao Tiến Đạt có nguyện vọng được sống chung cùng bố (Anh Cao Văn G) và hiện cháu đang chung sống cùng anh G, do anh G nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay (hơn 10 năm kể từ ngày anh G và chị V sống ly thân) bởi vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh G là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với qui định của pháp luật, nên cần áp dụng khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân

và gia đình 2014 để xử giao con chung là Cao Tiến Đạt cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Do anh G không có yêu cầu chị V phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Theo anh G trình bày anh và chị V không có tài sản chung, anh G không yêu cầu tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh G phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho anh Cao Văn G được ly hôn với chị Ngô Thị Hải V.

- Về con chung: Giao con chung là Cao Tiến Đ, sinh ngày 25/01/2000 cho anh G trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom chăm sóc con chung của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Về án phí: Anh G phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004729 ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Lê Chân. Anh G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

- *Về quyền yêu cầu thi hành án*: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Lê Chân;
- THADS quận Lê Chân;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Phong Lan